

BÀI 6 TIẾT 2: KINH TẾ

I. Quy mô nền kinh tế

Là nền kinh tế giàu, mạnh nhất thế giới.

GDP CỦA THẾ GIỚI, HOA KÌ VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC
NĂM 2004 VÀ NĂM 2017 (Đơn vị: Tỷ USD)

| Lãnh thổ | Năm | 2004 | 2017 |
|-----------------|------------|----------------|----------------|
| Thế giới | | 40887,8 | 80951,0 |
| Hoa Kỳ | | 11667,5 | 19485,0 |
| Châu Âu | | 14146,7 | 20253,1 |
| Châu Á | | 10092,9 | 29478,0 |
| Châu Phi | | 790,3 | 2215,9 |

II. Các ngành kinh tế

1. Dịch vụ

Chiếm tỉ trọng cao nhất, năm 2019 là 80% GDP.

a) Ngoại thương

- Đứng đầu thế giới.

b) Giao thông vận tải

- Hệ thống đường và phương tiện hiện đại nhất thế giới.

- Hoa Kỳ có nhiều sân bay nhất thế giới với hơn 30 hãng hàng không hoạt động.

- Các loại hình vận tải khác: ô tô, sắt, biển, ống cũng rất phát triển.



Một góc thành phố Lốt An-giơ-lét

c) Các ngành tài chính, thông tin liên lạc, du lịch



Thủ đô Washington, Hoa Kỳ - Hoa Kỳ có rất nhiều điểm du lịch thu hút du khách

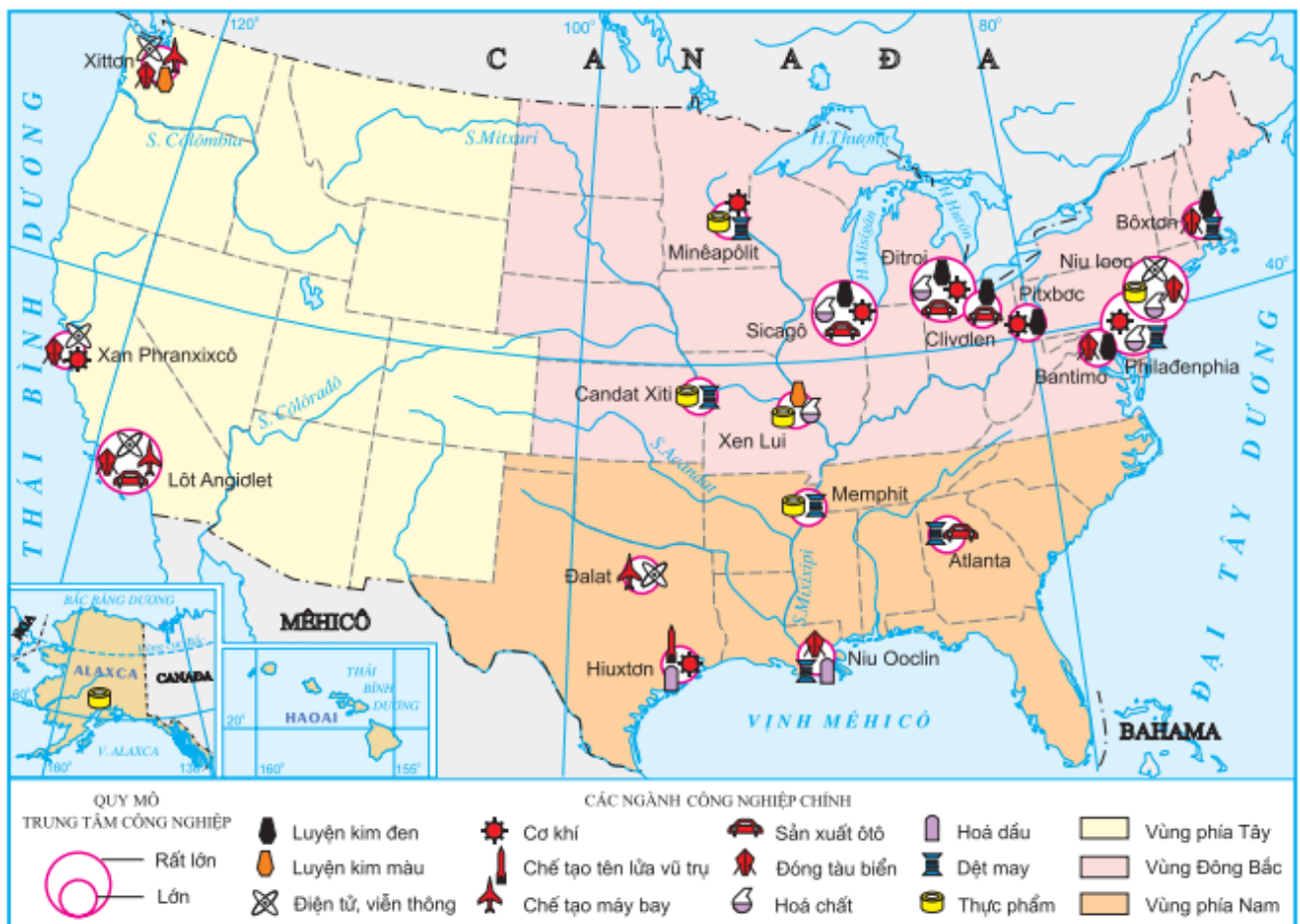
- Ngành ngân hàng và tài chính hoạt động khắp thế giới, tạo nguồn thu và lợi thế cho kinh tế của Hoa Kỳ.
- Thông tin liên lạc rất hiện đại.
- Ngành du lịch phát triển mạnh.

2. Công nghiệp

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA HOA KÌ QUA CÁC NĂM

| Sản phẩm | Đơn vị tính | Năm 2004 | | Năm 2010 | | Năm 2017 | |
|---------------|-------------------|-----------|-------------|-----------|-------------|-----------|-------------|
| | | Sản lượng | Xếp hạng TG | Sản lượng | Xếp hạng TG | Sản lượng | Xếp hạng TG |
| Than đá | Triệu tấn | 1069 | 2 | 983,7 | 2 | 702,7 | 2 |
| Dầu thô | Triệu tấn | 437 | 3 | 332,8 | 3 | 573,9 | 1 |
| Khí tự nhiên | Tỉ m ³ | 531 | 2 | 603,6 | 1 | 745,8 | 1 |
| Điện | Tỉ kWh | 3979 | 1 | 4332,8 | 1 | 4302,5 | 2 |
| Nhôm | Triệu tấn | 2,5 | 4 | 1,7 | 5 | 0,7 | 7 |
| Ô tô các loại | Triệu chiếc | 16,8 | 1 | 7,7 | 3 | 11,2 | 2 |

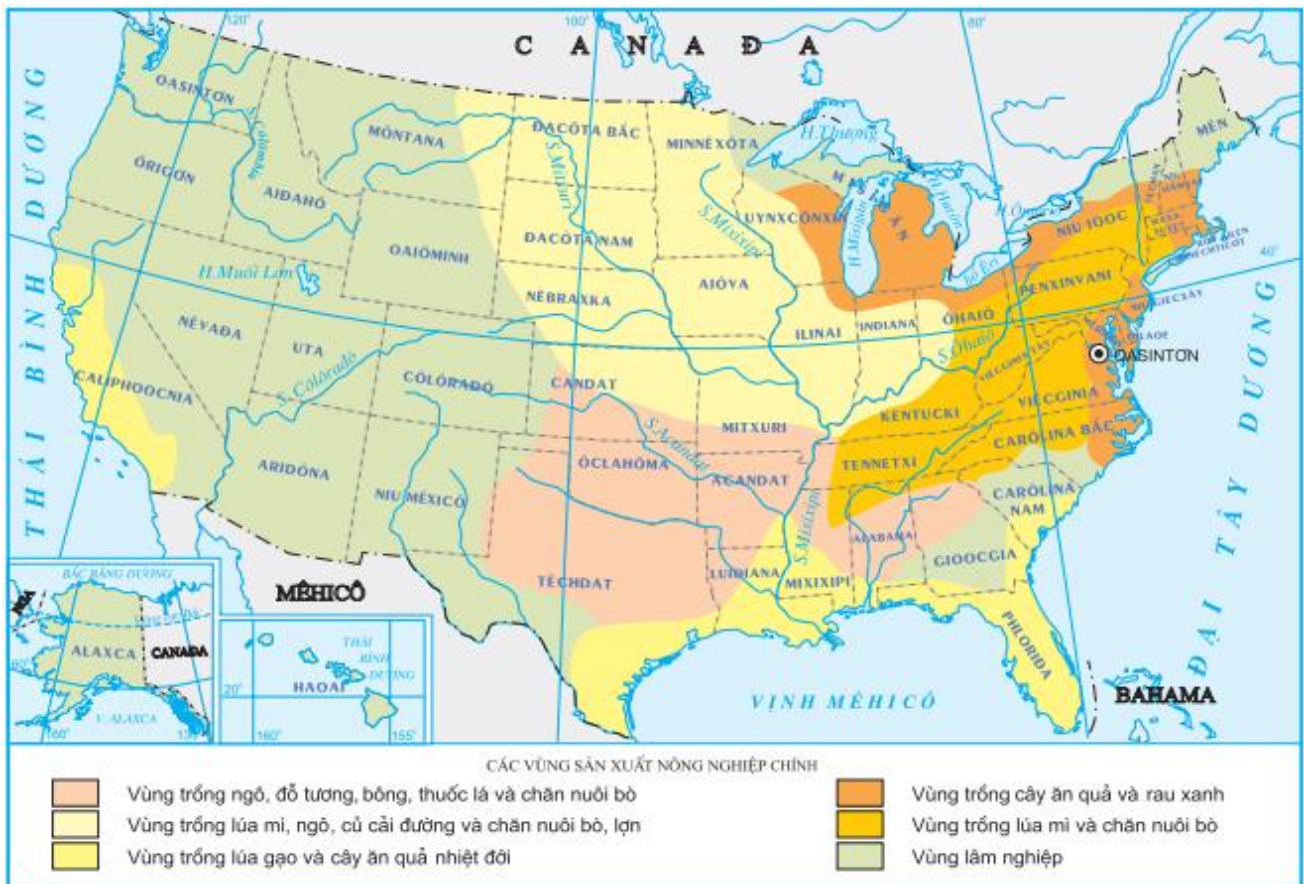
- Là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.
- Tỷ trọng trong GDP có xu hướng giảm.
- Sản xuất công nghiệp gồm 3 nhóm ngành:
 - + Công nghiệp chế biến.
 - + Công nghiệp điện lực: nhiệt điện, điện nguyên tử, thủy điện,...
 - + Công nghiệp khai khoáng đứng đầu thế giới.
- Cơ cấu giá trị sản lượng giữa các ngành có sự thay đổi: giảm tỷ trọng các ngành công nghiệp truyền thống tăng các ngành công nghiệp hiện đại.
- Phân bố:
 - + Trước đây: tập trung ở Đông Bắc với các ngành truyền thống.
 - + Hiện nay: mở rộng xuống phía nam và Thái Bình Dương với các ngành công nghiệp hiện đại.



Các trung tâm công nghiệp chính của Hoa Kỳ

3. Nông nghiệp

- Đứng hàng đầu thế giới.
- Chiếm tỉ trọng nhỏ 1,0% GDP năm 2019.
- Cơ cấu có sự chuyển dịch: giảm tỉ trọng thuần nông và tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.



Phân bố các vùng sản xuất nông nghiệp chính của Hoa Kỳ

- Phân bố: đa dạng hóa nông sản trên cùng lãnh thổ. Các vành đai chuyên canh đã chuyển thành vùng sản xuất nhiều loại nông sản hàng hoá theo mùa vụ.
- Hình thức: chủ yếu là trang trại. Nhìn chung số lượng trang trại giảm nhưng diện tích trung bình lại tăng.
- Nền nông nghiệp hàng hóa được hình thành sớm và phát triển mạnh.
- Là nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới.
- Nông nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.



Một số trang trại rau và cây hoa màu ở Hoa Kỳ